|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0250 | Tên Use case | Thêm hãng cung ứng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Thêm hãng cung ứng máy tính xách tay | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí chọn chức năng thêm hãng cung ứng | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Quản lí | Chọn chức năng thêm hãng cung ứng | | 2 | Hệ thống | Hiển thị giao diện thêm hãng cung ứng | | 3 | Quản lí | Điền thông tin hãng cung ứng và nhấn submit | | 4 | Hệ thống | Kiểm tra, cập nhật cơ sở dữ liệu và thông báo thành công | | 5 | Quản lí | Quản lí chọn tiếp tục thêm hãng cung ứng hoặc trở về thêm hãng cung ứng | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4.1 | Hệ thống | Hệ thống kiểm tra và báo lỗi | | 5.1 | Hệ thống | Thông báo nhập chưa đủ và yêu cầu người dùng nhập lại | | 5.2 | Hệ thống | Thông báo nhập trùng với dữ liệu đã tồn tại và yêu cầu người dùng nhập lại | | 5.3 | Hệ thống | Thông báo nhập sai kiểu dữ liệu và yêu cầu người dùng nhập lại | | |
| Hậu điều kiện | | Kiểm tra, cập nhật cơ sở dữ liệu và thông báo thành công | |

\*Dữ liệu đầu vào bao gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Tên hãng |  | Có |  | DELL |
|  | Địa chỉ liên hệ |  | Có |  | Số 95 đường Võ Chí Công, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội |
|  | Email |  | Có |  | distributor@dell.com |
|  | Số điện thoại |  | Có |  | 1900365397 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0220 | Tên Use case | Sửa thông tin hãng cung ứng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Chỉnh sửa thông tin hãng cung ứng đã có mặt trong hệ thống | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí chọn chức năng sửa thông tin hãng cung ứng | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Quản lí | Quản lí chọn chức năng sửa thông tin hãng cung ứng trên giao diện sửa thông tin hãng cung ứng | | 2 | Hệ thống | Hiển thị giao diện sửa thông tin hãng cung ứng | | 3 | Quản lí | Quản lí nhập các trường thông tin cần sửa về hãng cung ứng và nhấn submit | | 4 | Hệ thống | Hệ thống hiện thị các hãng cập nhật cơ sở dữliệu và báo thành công | | 5 | Quản lí | Quản lí tiếp tục tra cứu hoặc trở về giao diện sửa thông tin hãng cung ứng | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4.1 | Hệ thống | Hệ thống kiểm tra và báo lỗi | | 5.1 | Hệ thống | Thông báo nhập chưa đủ và yêu cầu người dùng nhập lại | | 5.2 | Hệ thống | Thông báo nhập trùng với dữ liệu đã tồn tại và yêu cầu người dùng nhập lại | | 5.3 | Hệ thống | Thông báo nhập sai kiểu dữ liệu và yêu cầu người dùng nhập lại | | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống hiện thị các hãng cập nhật cơ sở dữ liệu và báo thành công | |

\*Dữ liệu đầu vào bao gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Tên hãng |  | Có |  | DELL |
|  | Địa chỉ liên hệ |  | Có |  | Số 95 đường Võ Chí Công, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội |
|  | Email |  | Có |  | distributor@dell.com |
|  | Số điện thoại |  | Có |  | 1900365397 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0230 | Tên Use case | Tìm kiếm hãng cung ứng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Tìm kiếm hãng cung ứng | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí chọn chức năng tìm kiếm hãng cung ứng | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1 | Quản lí | Quản lí nhập các trường thông tin cần thiết về hãng cung ứng và ấn nút tìm kiếm | | 2 | Hệ thống | Hiển thị danh sách các hãng cung ứng phù hợp với giá trị được quản lí nhập vào | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 2.1 | Hệ thống | Thông báo không tìm thấy hãng cung ứng | | |
| Hậu điều kiện | | Hiển thị danh sách các hãng cung ứng phù hợp với giá trị được quản lí nhập vào | |

\*Dữ liệu đầu vào bao gồm các trường dữ liệu sau:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Tên hãng |  | Có |  | DELL |
|  | Địa chỉ liên hệ |  | Không |  | Số 95 đường Võ Chí Công, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội |
|  | Email |  | Không |  | distributor@dell.com |
|  | Số điện thoại |  | Không |  | 1900365397 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0210 | Tên Use case | Xem thông tin hãng cung ứng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Xem thông tin chi tiết về hãng cung ứng | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí nhấn vào tên hãng cung ứng trên giao diện | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Quản lí | Quản lí chọn nhấn vào tên hãng cung ứng trên giao diện | | 2 | Hệ thống | Hệ thống hiện thị thông tin chi tiết về hãng cung ứng đã chọn | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  |  |  | | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống hiện thị thông tin chi tiết về hãng cung ứng đã chọn | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0240 | Tên Use case | Xóa hãng cung ứng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Xóa hãng cung ứng không còn hợp tác | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí nhấn vào chức năng xóa hãng cung ứng trên giao diện | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Quản lí | Quản lí nhấn vào chức năng “Xóa” trên xóa hãng cung ứng | | 2 | Hệ thống | Hệ thống hiện thị thông báo lựa chọn liệu quản lí có muốn xóa hãng cung ứng không | | 3 | Quản lí | Chọn đồng ý xóa | | 3 | Hệ thống | Thông báo kết quả xóa thành công hãng cung ứng và trở về giao diện xóa hãng cung ứng | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3.1 | Quản lí | Lựa chọn không xóa | | 3.1.1 | Hệ thống | Trở về giao diện xóa hãng cung ứng | | |
| Hậu điều kiện | | Thông báo kết quả xóa thành công hãng cung ứng và trở về giao diện xóa hãng cung ứng | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0111 | Tên Use case | Phân quyền người dùng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Phân quyền người dùng trong hệ thống | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí chọn chức năng tra Phân quyền người dùng | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Quản lí | Quản lí chọn chức năng Phân quyền người dùng trên giao diện | | 2 | Hệ thống | Hiển thị thông báo về các quyền mà quản lí muốn phân cho người dùng đã chọn | | 3 | Quản lí | Chọn quyền mong muốn phân cho người dùng đã chọn | | 4 | Hệ thống | Thông báo liệu quản lí có đồng ý phân quyền | | 5 | Quản lí | Quản lí xác nhận đồng ý phân quyền | | 6 | Hệ thống | Thông báo đã cấp quyền cho người dùng và trở về giao diện chính | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 5.1 | Quản lí | Quản lí nhấn hủy xác nhận | | 6.1 | Hệ thống | Trở về giao diện chính | | |
| Hậu điều kiện | | Thông báo đã cấp quyền cho người dùng và trở về giao diện chính | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0130 | Tên Use case | Khóa người dùng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Khóa người dùng trong hệ thống | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí chọn chức năng khóa người dùng | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Quản lí | Quản lí chọn chức năng khóa người dùng trên giao diện | | 2 | Hệ thống | Hệ thống thông báo quản lí liệu có muốn khóa người dùng trên | | 3 | Quản lí | Nhấn xác nhận cho hành động của mình | | 4 | Hệ thống | Thông báo khóa thành công và trở về giao diện khóa/mở khóa người dùng | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4.1 | Hệ thống | Trở về giao diện chính nếu quản lí nhấn hủy xác nhận | | |
| Hậu điều kiện | | Thông báo khóathành công và trở về giao diện khóa/mở khóa người dùng | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0130 | Tên Use case | Mở khóa người dùng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Mở khóa người dùng trong hệ thống | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí chọn chức năng mở khóa người dùng | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Quản lí | Quản lí chọn chức năng Mở khóa người dùng trên giao diện | | 2 | Hệ thống | Hệ thống thông báo quản lí liệu có muốn mở khóa người dùng trên | | 3 | Quản lí | Nhấn xác nhận cho hành động của mình | | 4 | Hệ thống | Thông báo mở khóa thành công và trở về giao diện khóa/mở khóa người dùng | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 4.1 | Hệ thống | Trở về giao diện chính nếu quản lí nhấn hủy xác nhận | | |
| Hậu điều kiện | | Thông báo mở khóa thành công và trở về giao diện khóa/mở khóa người dùng | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0120 | Tên Use case | Tìm kiếm thông tin người dùng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Tìm kiếm thông tin người dùng trong hệ thống | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí chọn chức năng tìm kiếm thông tin người dùng | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Quản lí | Quản lí chọn chức năng tìm kiếm người dùng trên giao diện | | 2 | Quản lí | Quản lí tìm kiếm các trường thông tin cần thiết về người dùng | | 3 | Hệ thống | Hiển thị danh sách các người ứng phù hợp với giá trị được quản lí đã tìm kiếm | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3.1 | Hệ thống | Thông báo không tìm thấy | | |
| Hậu điều kiện | | Hiển thị danh sách các người ứng phù hợp với giá trị được quản lí đã tìm kiếm . | |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Trường    dữ liệu** | **Mô tả** | **Bắt buộc?** | **Điều kiện hợp lệ** | **Ví dụ** |
|  | Họ |  | Có |  | Đào |
|  | Tên |  | Có |  | Quang Duy |
|  | Email |  |  |  | duy@gmail.com |
|  | Mật khẩu |  | Không |  | Duyltu99#$ |
|  | Xác nhận mật khẩu |  | Không |  | Duyltu99#$ |
|  | Ngày sinh |  | Không |  | 12/12/1999 |
|  | Giới tính |  | Không |  | Lựa chọn Nam |
|  | Số ĐT |  | Không |  | 0912 345 678 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0110 | Tên Use case | Xem thông tin người dùng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Xem thông tin chi tiết về người dùng trong hệ thống | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí nhấn vào tên người dùng trên giao diện | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 1. | Quản lí | Quản lí chọn nhấn vào tên người dùng trên giao diện | | 2 | Hệ thống | Hệ thống hiện thị thông tin chi tiết về người dùng đã chọn | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  |  |  | | |
| Hậu điều kiện | | Hệ thống hiện thị thông tin chi tiết về người dùng đã chọn | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã Use case | UC0130 | Tên Use case | Xóa người dùng |
| Tác nhân | | Quản lí | |
| Mục đích Use case | | Xóa người dùng trong hệ thống | |
| Sự kiện kích hoạt | | Quản lí nhấn vào chức năng xóa người dùng trong hệ thống trên giao diện | |
| Tiền điều kiện | | Đã đăng nhập với vai trò quản lí | |
| Luồng sự kiện chính (Thành công) | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | |  |  | Hcon ng dung | | 1 | Quản lí | Quản lí nhấn vào chức năng xóa người dùng trong hệ thống trên giao diện | | 2 | Hệ thống | Hệ thống hiện thị thông báo lựa chọn liệu quản lí có muốn xóa người dùng không | | 3 | Hệ thống | Thông báo kết quả xóa thành công người dùng và trở về giao diện xóa người dùng trong hệ thống | | |
| Luồng sự kiện thay thế | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Thực hiện bởi | Hành động | | 3.1 | Quản lí | Lựa chọn không xóa | | 3.1.1 | Hệ thống | Trở về giao diện xóa người dùng trong hệ thống | | |
| Hậu điều kiện | | Thông báo kết quả xóa thành công người dùng và trở về giao diện xóa người dùng trong hệ thống | |